

CTCP Sonadezi Long Bình

Ngày 31/12/2025	37,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	-3.1%

DT thuần Q4/25
211
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 107 103%
YoY: ▲ 95.0 82.0%

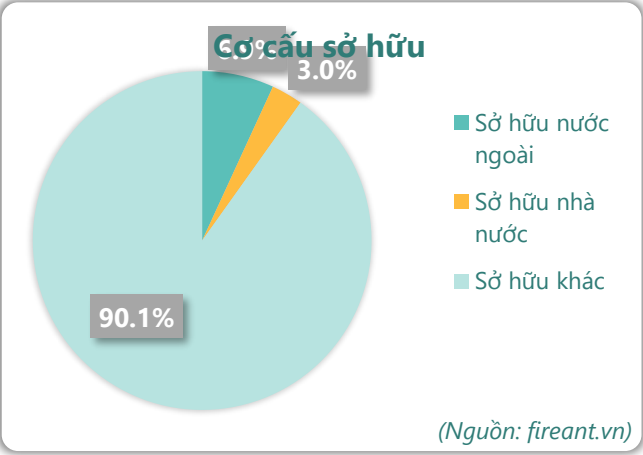
LN thuần Q4/25
122
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 87.7 255%
YoY: ▲ 92.7 316%

LN sau thuế Q4/25
101
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 73.3 264%
YoY: ▲ 77.4 327%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
48.3%
YoY: +/-▲ 1.6%

ROE 2025
27.7%
YoY: +/-▼ 3.3%

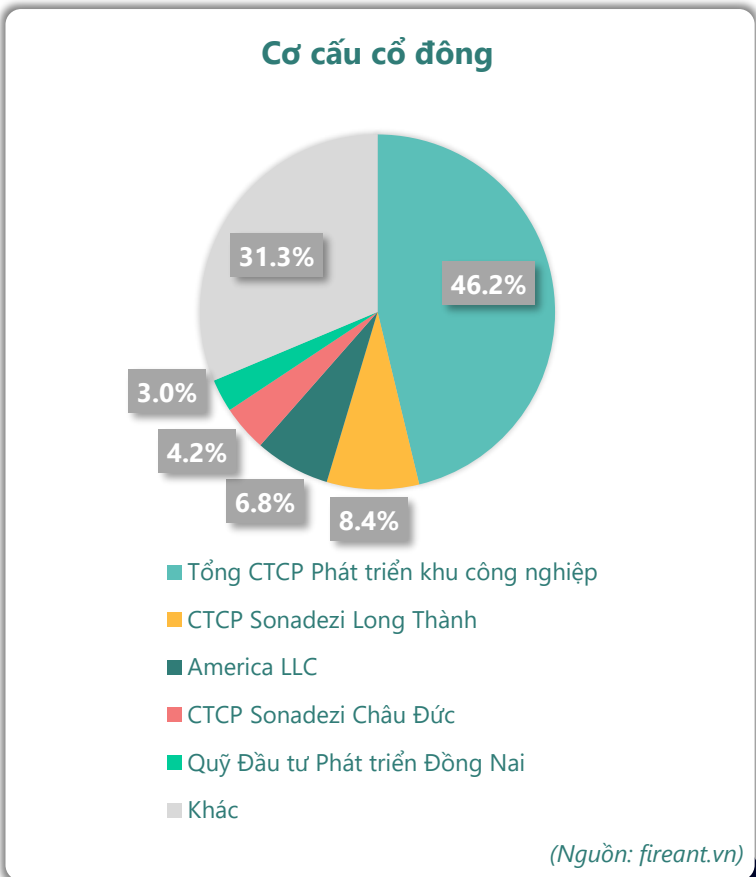
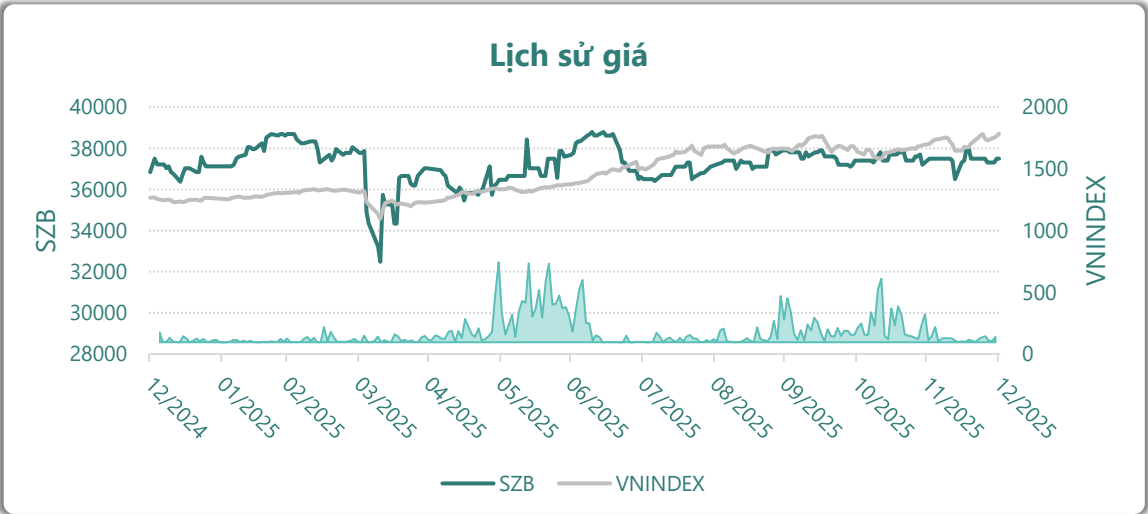
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	32,482 - 38,793
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,125
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,710
Sở hữu nước ngoài	6.9%
Beta	0.05
EPS	6,724
P/E	5.6



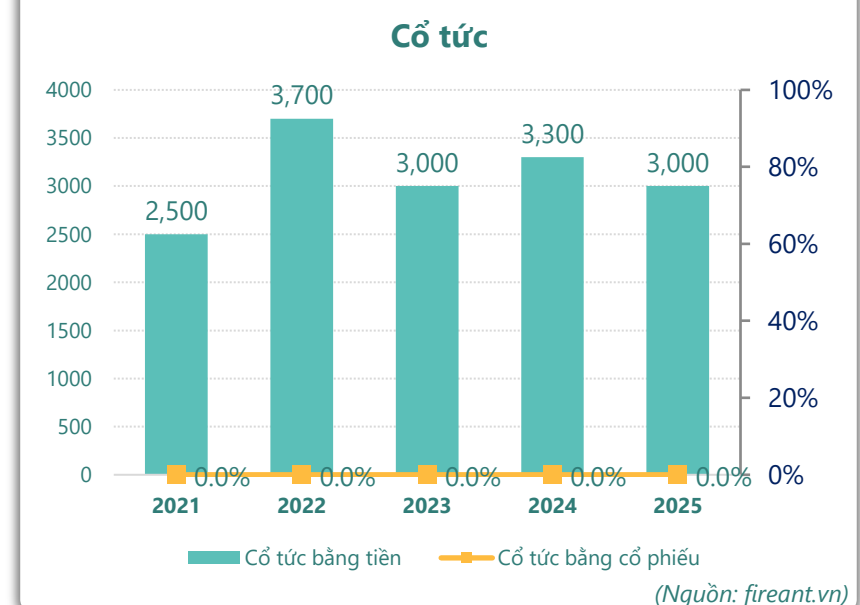
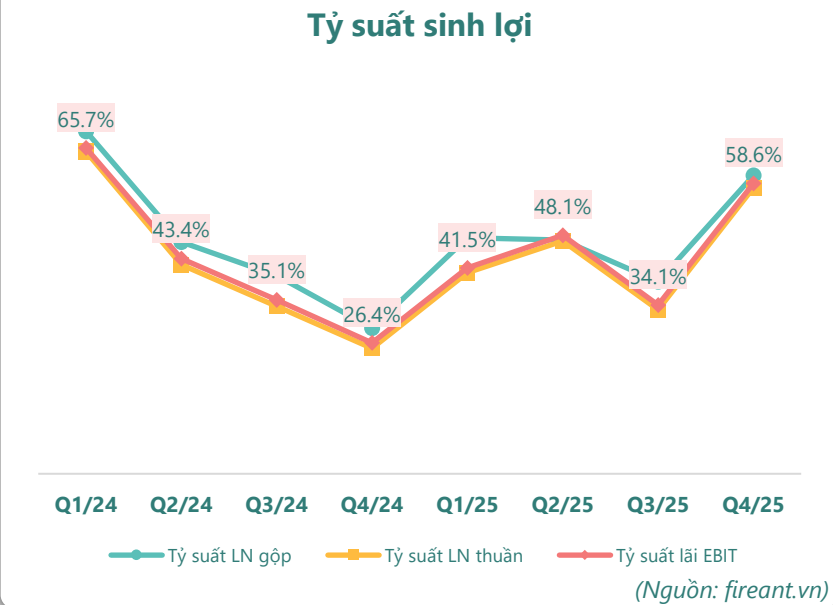
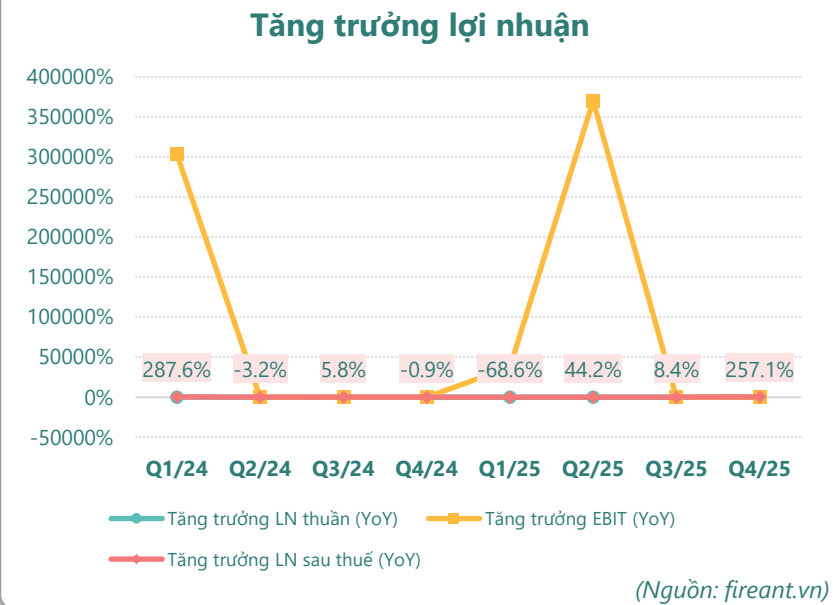
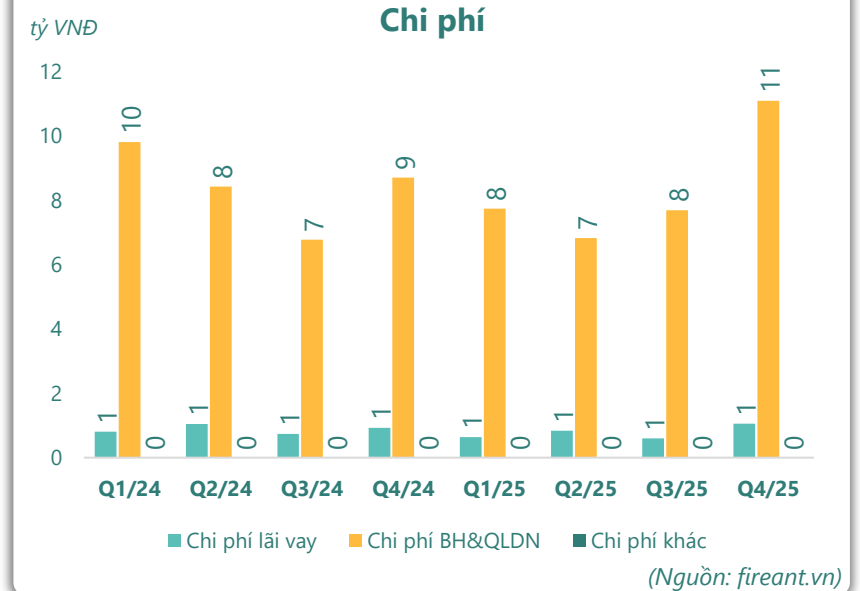
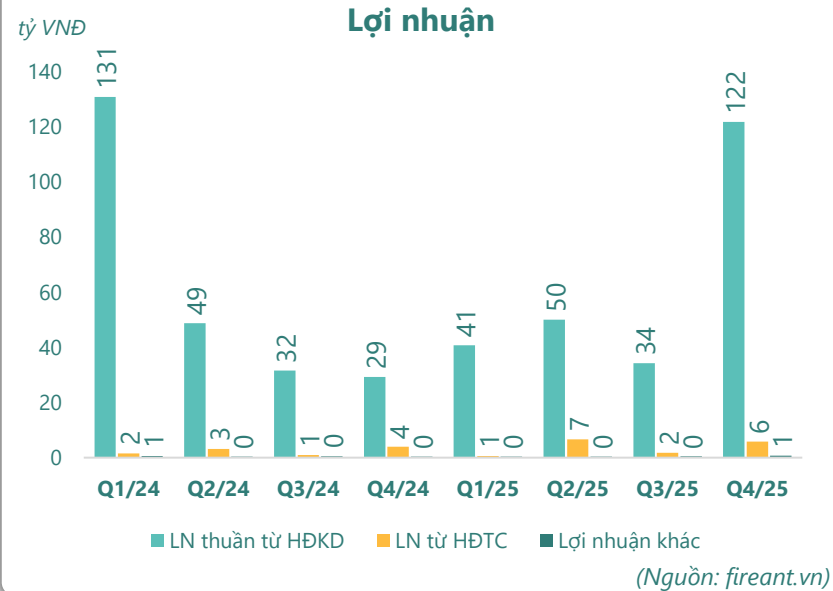
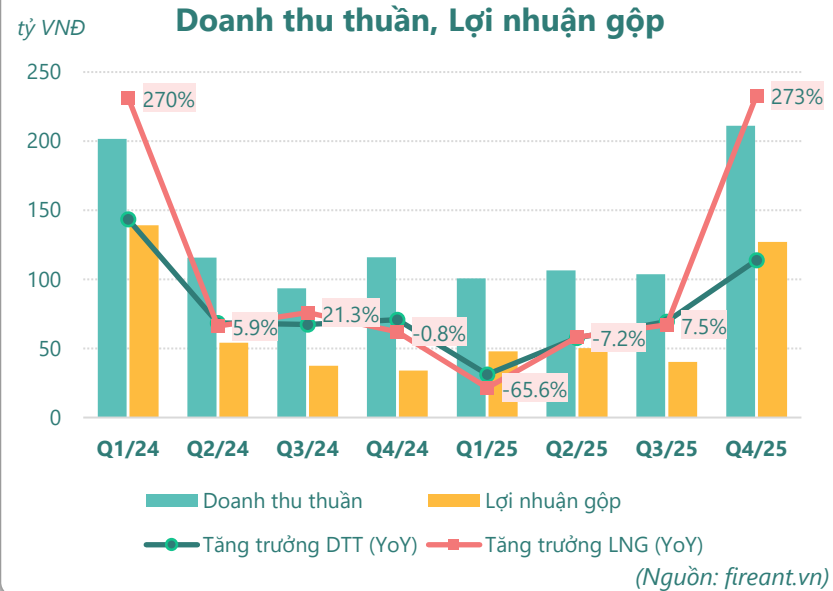
DT thuần 2025
522
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.00 -0.9%

LN thuần 2025
247
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.00 2.6%

LN sau thuế 2025
202
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.00 2.6%



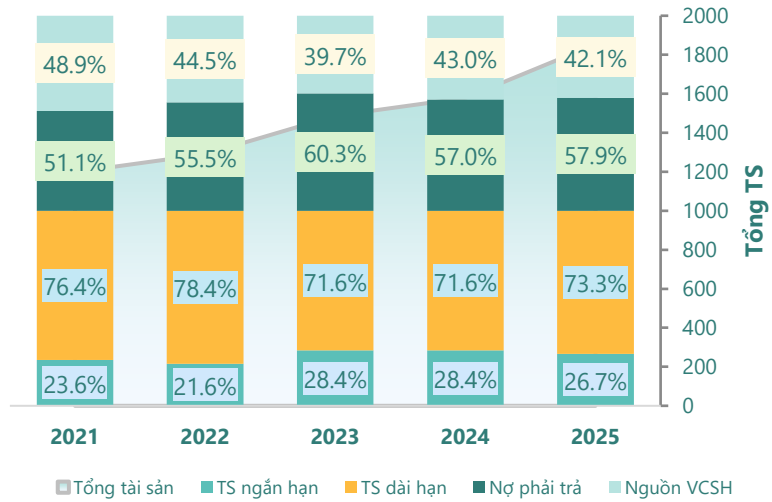
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

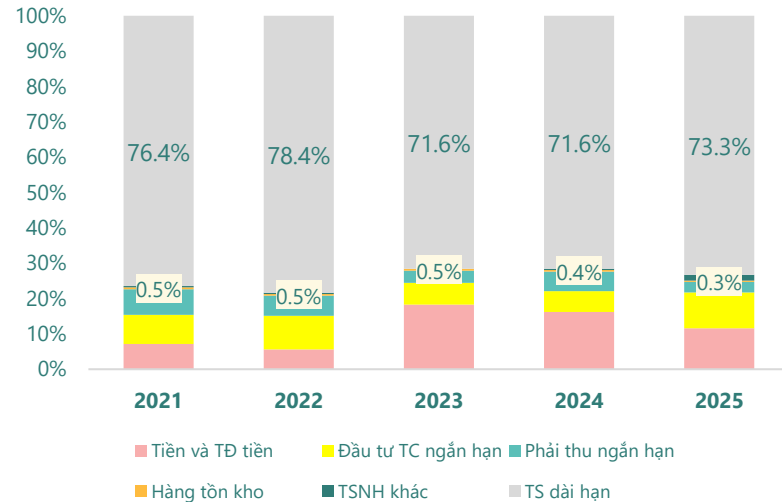
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

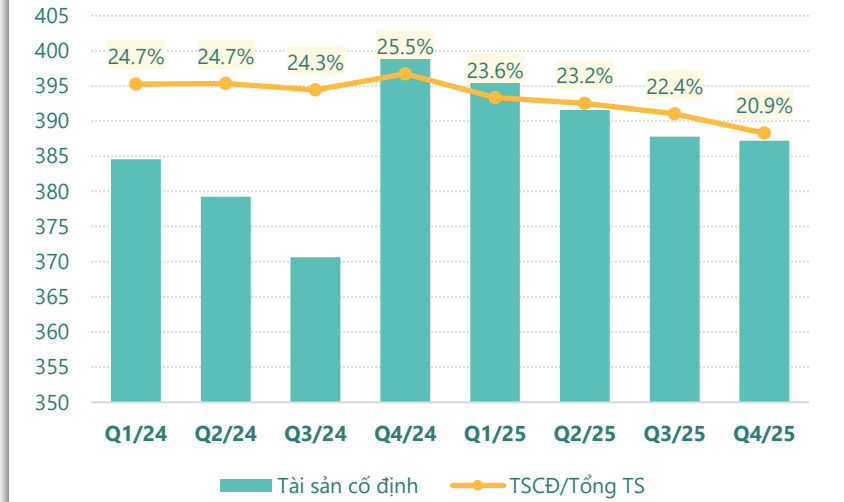
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

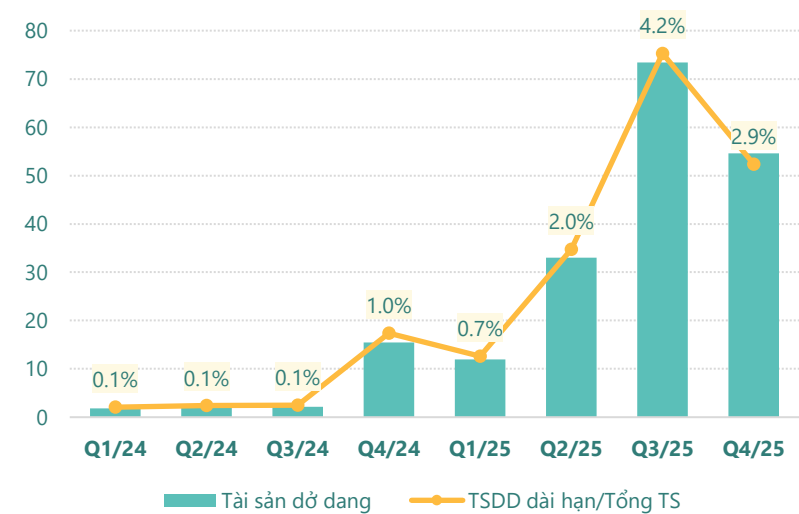
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

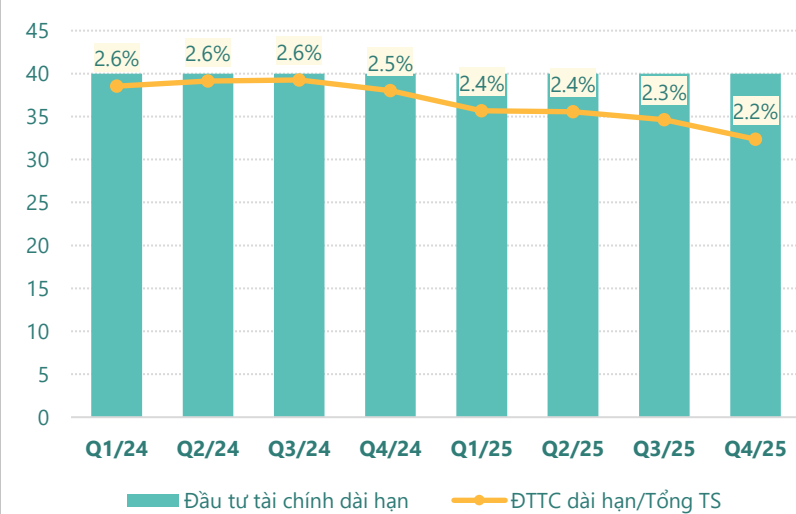
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

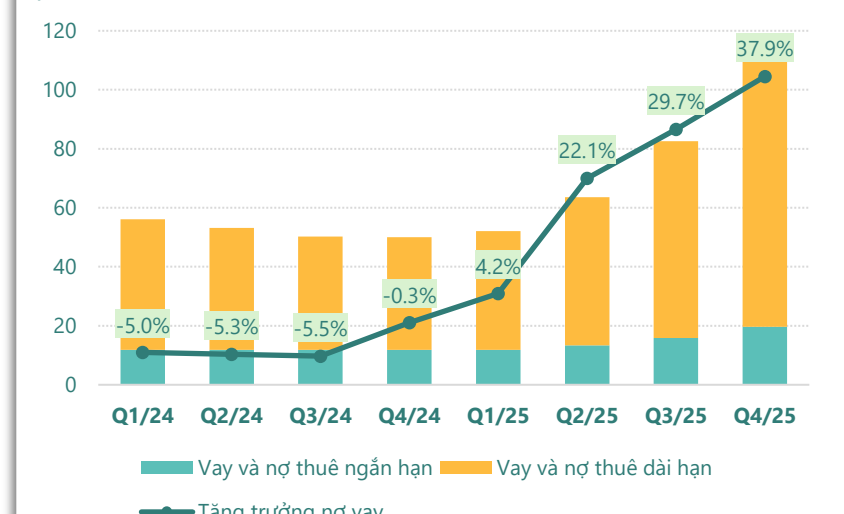
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

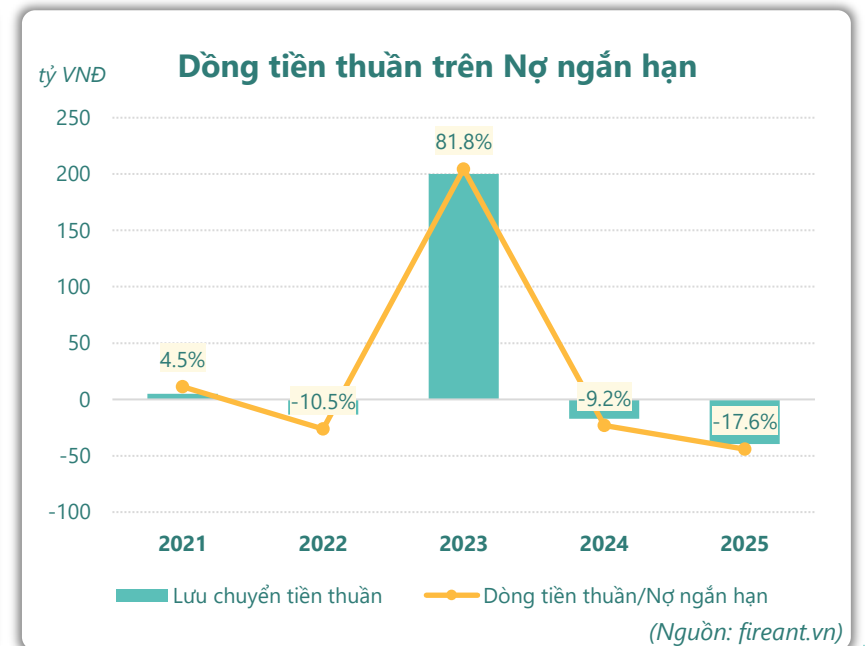
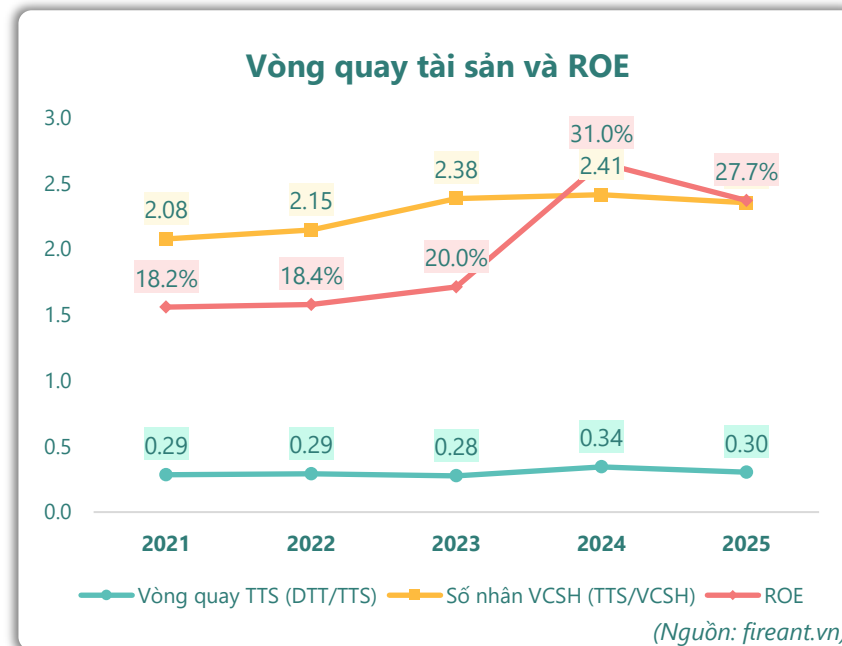
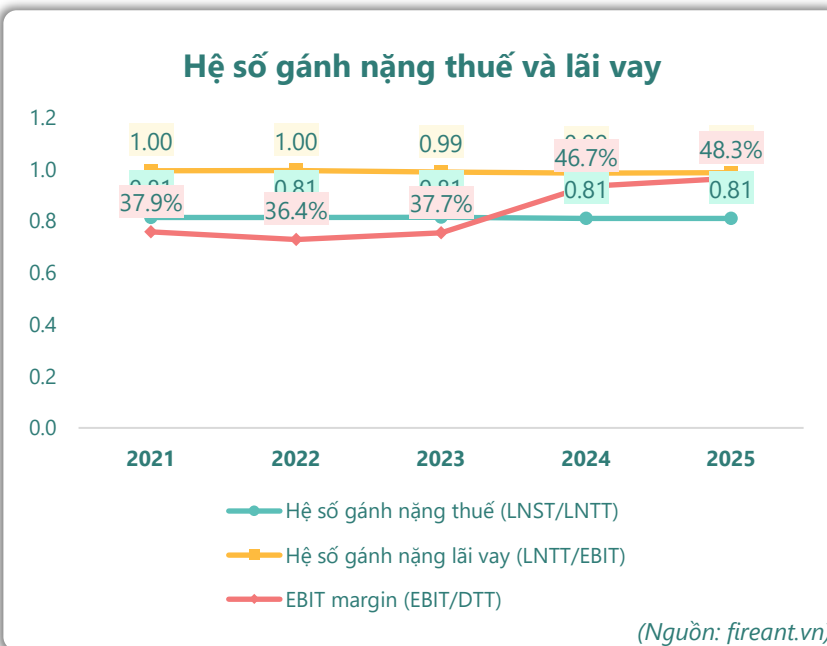
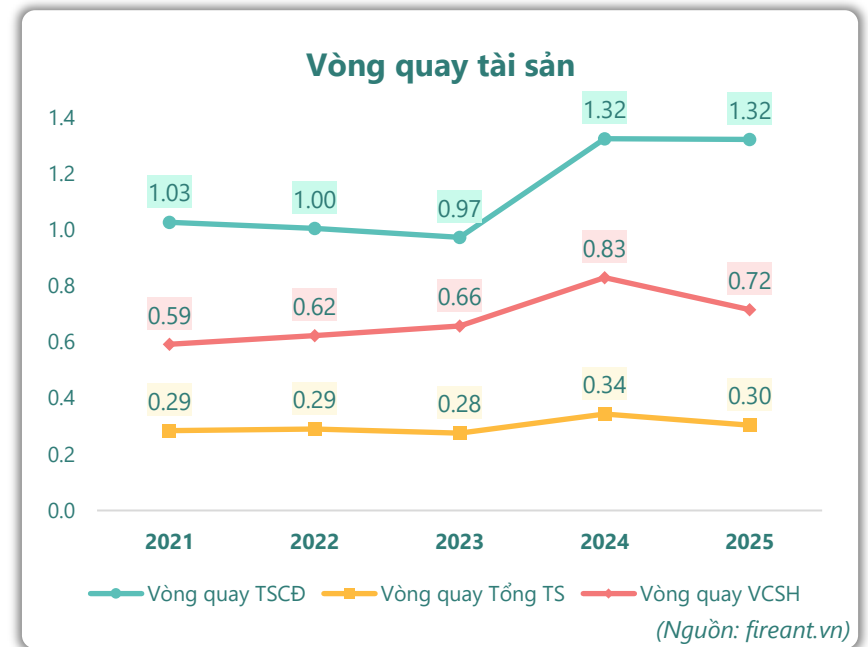
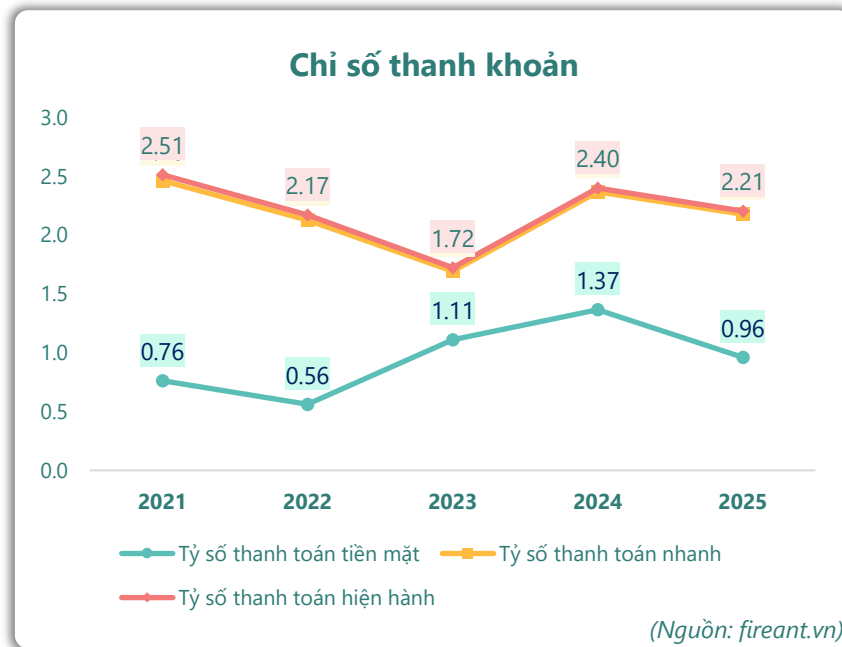
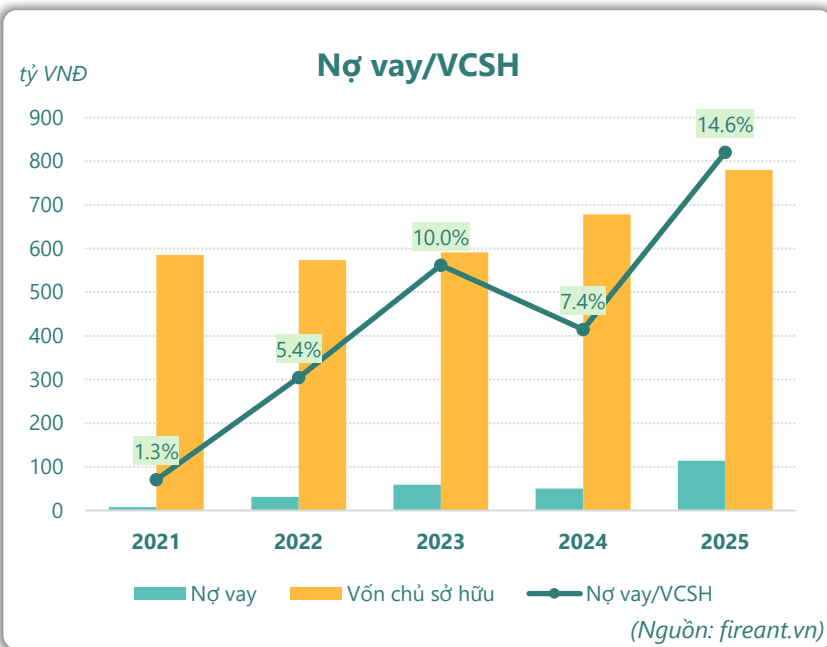
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	211	116	82.0%	522	527	-0.9%
Giá vốn hàng bán	84.0	81.9	2.6%	257	262	-2.1%
Lợi nhuận gộp	127	34.1	273%	265	265	0.2%
Doanh thu HĐTC	6.92	4.91	41.0%	18.1	13.2	36.6%
Chi phí TC	1.06	0.93	13.5%	3.12	3.53	-11.5%
Chi phí lãi vay	1.06	0.93	13.5%	3.12	3.53	-11.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.33	0.40	233%	3.30	4.27	-22.8%
Chi phí QLDN	9.77	8.31	17.6%	30.1	29.5	2.1%
LN thuần từ HĐKD	122	29.3	316%	247	241	2.6%
Lợi nhuận khác	0.74	0.33	126%	1.90	1.82	4.1%
LN trước thuế	123	29.7	313%	249	243	2.6%
Lợi nhuận sau thuế	101	23.6	327%	202	197	2.6%
LNST của CĐ cty mẹ	101	23.6	327%	202	197	2.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.37	46.0	159	-21.4	133	-47.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	57.2	-18.0	-198	-22.4	-0.46	-15.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-71.9	-30.2	2.09	11.5	-71.1	31.3
Tiền đầu kỳ	272	257	255	218	186	248
Lưu chuyển tiền thuần	-15.1	-2.12	-36.8	-32.3	61.7	-32.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	257	255	218	186	248	215

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,854	1,578	17.5%
Tài sản ngắn hạn	494	448	10.4%
Tiền và tương đương tiền	215	255	-15.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	188	93.5	101%
Phải thu ngắn hạn	55.8	87.7	-36.3%
Hàng tồn kho	6.28	6.16	1.9%
Tài sản ngắn hạn khác	29.4	5.72	414%
Tài sản dài hạn	1,360	1,130	20.3%
Phải thu dài hạn	88.3	89.6	-1.4%
Tài sản cố định	387	402	-3.8%
Bất động sản đầu tư	181	108	67.4%
Tài sản dở dang	54.6	15.5	253%
Đầu tư tài chính dài hạn	40.0	40.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	608	474	28.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,074	899	19.4%
Nợ ngắn hạn	224	187	20.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.7	11.8	66.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	74.3	52.3	41.9%
Nợ dài hạn	850	713	19.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	94.1	38.2	146%
Nguồn vốn chủ sở hữu	780	679	15.0%
Vốn chủ sở hữu	780	679	15.0%
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

